



HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRƯỚC VÀ SAU QUÁ TRÌNH TÍCH TỤ VÀ TẬP TRUNG ĐẤT ĐAI TẠI HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Thế Vinh, Nguyễn Hữu Ngữ, Hồ Kiệt, Nguyễn Bích Ngọc*, Hoàng Anh Cẩm

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trước và sau quá trình tích tụ và tập trung đất đai tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Các tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra, phỏng vấn thu thập và xử lý số liệu có liên quan đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất trong quá trình tích tụ và tập trung đất đai ở địa phương. Kết quả cho thấy đất chuyên lúa, đất chăn nuôi tổng hợp và đất nuôi trồng thủy sản là các loại hình sử dụng đất điển hình. Mô hình lúa – cá – vịt cho giá trị gia tăng đạt 81,27 triệu đồng/ha/năm, hay mô hình cá – vịt đạt 64 triệu đồng/ha/năm. Đất chuyên lúa có giá trị gia tăng gấp 1,97 lần so với trước tích tụ và tập trung đất. Mô hình nuôi cá cho thu nhập 860 nghìn đồng/công, góp phần tăng nguồn thu nhập cho người dân địa phương. Như vậy, quá trình tích tụ và tập trung đất nông nghiệp đã tạo nên các loại hình sử dụng đất mới mang lại hiệu quả cao.

Từ khóa: Bố Trạch, hiệu quả sử dụng đất, loại hình sử dụng đất, nông nghiệp, tích tụ, tập trung đất đai

1 Đặt vấn đề

Đất đai là một trong bốn yếu tố đầu vào quan trọng cho phát triển nông nghiệp. Áp lực của gia tăng dân số và sự phát triển của ngành công nghiệp và dịch vụ cùng với quá trình đô thị hóa làm giảm quỹ đất. Hệ thống quản lý và phương thức trồng trọt là những yếu tố quan trọng trong việc đẩy mạnh năng suất ở các nước đang phát triển. Cơ cấu của ngành nông nghiệp của mỗi nước đều rất khác nhau. Nguyên nhân chính là lịch sử phát triển, nhưng cơ cấu cũng có sự giống nhau ở chỗ hạn chế tăng năng suất. Ở nhiều nước, quy mô canh tác rất nhỏ và đất đai manh mún. Một trong những thách thức lớn nhất trong giải quyết vấn đề tăng trưởng nông nghiệp ở các quốc gia có tình trạng manh mún và phân tán đất đai cao là đẩy mạnh tích tụ và tập trung ruộng đất [9].

Ở Việt Nam, do lịch sử để lại nên bình quân diện tích đất nông nghiệp trên hộ nhỏ và phân tán nên việc tổ chức quản lý và sử dụng quỹ đất quy mô nhỏ, manh mún là rất khó khăn và không thể sản xuất tập trung với hiệu quả cao. Vì vậy, để tổ chức và sử dụng quỹ đất nông nghiệp một cách hợp lý, tiết kiệm và mang lại hiệu quả cao nhưng vẫn đảm bảo được tính bền vững trong công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa thì cần thiết phải đưa ra những giải pháp thiết thực. Một trong những giải pháp quan trọng và thực tiễn trong giai đoạn hiện nay là tích

* Liên hệ: nguyenbichngoc@huaf.edu.vn

tụ và tập trung đất đai phục vụ cho phát triển nông nghiệp. Tích tụ và tập trung đất đai phục vụ cho phát triển nông nghiệp là phương thức nhằm giảm chi phí, giảm giá thành, tăng sản lượng và tăng khả năng cạnh tranh, qua đó giúp cho nông dân tăng thu nhập và cải thiện đời sống [1].

Bố Trạch là một huyện nằm ở vùng ven thành phố Đồng Hới và chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Bố Trạch có tổng diện tích đất nông nghiệp khá lớn, chiếm hơn 90% trong cơ cấu sử dụng và có vị trí địa lý thuận lợi với đầy đủ địa hình đồng bằng, miền núi, trung du và ven biển [8]. Trong những năm qua, công tác quản lý đất đai nói chung và việc quản lý đất nông nghiệp nói riêng cơ bản phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới và quy hoạch của các ngành và địa phương. Tuy nhiên, thực tế đất đai cho phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện vẫn còn manh mún và chưa được quan tâm đúng mức về nội dung tích tụ và tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp.

Xuất phát từ thực tế đó, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trước và sau quá trình tích tụ và tập trung đất đai là hết sức cần thiết trong hoàn cảnh hiện nay. Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và đề xuất các giải pháp tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2 Phương pháp

2.1 Thu thập số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp bao gồm các số liệu, tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội và môi trường, các báo cáo liên quan đến việc thực hiện và triển khai các chính sách của Nhà nước về tích tụ và tập trung đất đai ở địa phương từ các cơ quan và các tổ chức có liên quan của các năm 2013–2017 tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2.2 Thu thập số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp là kết quả điều tra khảo sát thực địa và thống kê qua các phiếu điều tra phỏng vấn các đối tượng quản lý, hộ dân về hiệu quả sử dụng đất trước và sau quá trình tích tụ, tập trung đất đai ở khu vực nghiên cứu dựa trên bảng câu hỏi của phiếu phỏng vấn đã được lập sẵn. Quá trình điều tra khảo sát được thực hiện tại xã Hạ Trạch, xã Tây Trạch và xã Sơn Lộc, đại diện cho ba vùng thuộc huyện Bố Trạch.

Mẫu được chọn dựa trên các tiêu chí: diện tích đất nông nghiệp lớn, diện tích đất nông nghiệp tương đối nhỏ nhưng thuần nông, địa bàn đặc trưng, tiềm năng cho việc tích tụ và tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp. Mẫu nghiên cứu gồm 2 nhóm: hộ gia đình và cá nhân,

trang trại chịu ảnh hưởng của quá trình tích tụ và tập trung đất đai, và hợp tác xã. Cỡ mẫu được xác định theo công thức Slovin [5].

$$n = \frac{N}{1 + N.e^2} \quad (1)$$

trong đó n là cỡ mẫu (số phiếu điều tra); N là số lượng tổng thể (số nông hộ là 82 hộ và số hợp tác xã là 6); e là sai số tiêu chuẩn ($e = 10\%$, độ tin cậy $p = 90\%$). Như vậy, tổng số phiếu điều tra nhóm thứ nhất là 45 phiếu và nhóm thứ hai là 6 phiếu.

2.3 Tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu

Sau khi tiến hành thu thập số liệu thì bài báo sử dụng phần mềm Excel để xử lý và phân tích số liệu phục vụ các nội dung nghiên cứu. Số liệu thứ cấp sau khi thu thập về được tổng hợp, phản ánh thông qua các bảng, biểu đồ, đồ thị; phân tích, so sánh qua các năm để nắm được thực trạng và rút ra kết luận.

2.4 Đánh giá hiệu quả sử dụng đất

Để đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nghiên cứu này sử dụng các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng quỹ đất [3, 5] bao gồm:

$$i. \text{ Tỷ lệ sử dụng đất (\%)} = \frac{\text{Tổng diện tích đất đai} - \text{Diện tích đất chưa sử dụng}}{\text{Tổng diện tích đất đai}} \times 100 \quad (2)$$

$$ii. \text{ Tỷ lệ sử dụng của loại đất (\%)} = \frac{\text{Diện tích của một loại đất}}{\text{Tổng diện tích đất đai}} \times 100 \quad (3)$$

$$iii. \text{ Hệ số sử dụng đất (lần)} = \frac{\text{Tổng diện tích gieo trồng hàng năm}}{\text{Diện tích cây hàng năm (Diện tích đất canh tác)}} \quad (4)$$

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất của đất nông nghiệp bao gồm

- i. Giá trị của đơn vị diện tích cây trồng (tấn/ha): là giá trị sản lượng của một loại cây trồng trên tổng diện tích cây trồng đó;
- ii. Giá trị tổng sản lượng đơn vị diện tích đất nông nghiệp (triệu đồng/ha): là giá trị tổng sản lượng nông lâm ngư nghiệp trên tổng diện tích đất nông nghiệp;
- iii. Giá trị sản lượng của đơn vị diện tích gieo trồng: là giá trị sản lượng cây trồng trên diện tích gieo trồng;
- iv. Giá trị sản lượng của đơn vị diện tích nuôi trồng thủy sản: là tổng giá trị sản lượng thủy sản trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản [3, 5].

Chỉ tiêu hiệu quả về mặt kinh tế bao gồm

- i. Giá trị sản xuất: Là toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một thời kỳ nhất định (Thường là một năm);
- ii. Giá trị trung gian: Là khoản chi phí vật chất thường xuyên bằng tiền mà chủ thể bỏ ra để thuê và mua các yếu tố đầu vào và dịch vụ sử dụng trong quá trình sản xuất;
- iii. Giá trị gia tăng: Là hiệu số giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian, là giá trị sản phẩm xã hội được tạo ra thêm trong thời kỳ sản xuất;
- iv. Hiệu quả giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ nông nghiệp, VA/IC.

Các chỉ tiêu phân tích được đánh giá định lượng (giá trị) bằng tiền theo thời giá hiện hành và định tính (phân cấp) tính bằng mức độ cao, thấp. Các chỉ tiêu đạt mức càng cao thì hiệu quả kinh tế càng lớn [2, 3, 4].

Chỉ tiêu hiệu quả về mặt xã hội bao gồm

- i. Số lượng công lao động sử dụng đối với các loại hình sử dụng đất;
- ii. Giá trị ngày công lao động sử dụng đối với VA/LĐ;
- iii. Bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người;
- iv. Thu hút lao động giải quyết công ăn việc làm;
- v. Thu nhập bình quân đầu người ở vùng nông thôn;
- vi. Đảm bảo an toàn lương thực và gia tăng lợi ích của nông dân;
- vii. Trình độ dân trí, trình độ hiểu biết xã hội [2], [3].

Chỉ tiêu hiệu quả về mặt môi trường

$$i. \text{Độ che phủ (\%)} = \frac{\text{Diện tích đất lâm nghiệp có rừng} + \text{Diện tích đất trồng cây lâu năm}}{\text{Tổng diện tích đất đai}} \times 100 \quad (5)$$

$$ii. \text{Hệ số sử dụng đất (lần)} = \frac{\text{Tổng diện tích gieo trồng hàng năm}}{\text{Diện tích cây hàng năm (Diện tích đất canh tác)}} \quad (6)$$

Ngoài ra, còn có các chỉ tiêu khác gồm:

- i. Diện tích gieo trồng hàng năm ;
- ii. Đánh giá các chỉ tiêu gieo trồng hàng năm;
- iii. Sự thích hợp với môi trường đất khi thay đổi loại hình sử dụng đất;
- iv. Đánh giá về quản lý và bảo vệ tự nhiên [3].

3 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Tình hình phân bố đất nông nghiệp theo các tiểu vùng trên địa bàn huyện Bố Trạch

Tính đến 31/12/2017, tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Bố Trạch là 211.548,88 ha, trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 28.276,74 ha, chiếm 13,37% diện tích tự nhiên. Diện tích đất sản xuất này phân bố ở các tiểu vùng khác nhau trong huyện (Bảng 1).

Có thể thấy diện tích đất nông nghiệp cũng như diện tích đất sản xuất nông nghiệp của huyện Bố Trạch phân bố không đồng đều giữa các tiểu vùng. Vùng miền núi có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất với 174.296,98 ha, trong đó thị trấn Nông trường Việt Trung có 7.395,70 ha. Vùng trung du có diện tích thấp nhất với 8.643,75 ha. Vùng đồng bằng có 13.823,44 ha, trong đó thị trấn Hoàn Lão có 298,67 ha. Đối với sản xuất nông nghiệp, miền núi có 13.960,41 ha, trong đó ở thị trấn Nông trường Việt Trung là 5.415,22 ha; vùng đồng bằng có 7.948,03 ha, trong đó ở thị trấn Hoàn Lão là 270,60 ha; vùng trung du có 6.367,17 ha.

Bảng 1. Phân bố đất sản xuất nông nghiệp theo các tiểu vùng trên địa bàn huyện Bố Trạch năm 2017

Đơn vị tính: Ha

LOẠI ĐẤT	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Diện tích phân theo các tiểu vùng (Khu vực)				
		Miền núi		Trung du		Đồng bằng
		TT. NT. Việt Trung	10 xã	5 xã	TT. Hoàn Lão	13 xã
Tổng diện tích	196.765,31	7.395,70	166.901,28	8.643,75	298,67	13.524,77
Đất sản xuất nông nghiệp	28.276,74	5.415,22	8.545,19	6.367,17	270,60	7.677,43
Đất trồng cây hàng năm	17.424,95	1.645,29	5.872,65	3.585,29	237,87	6.082,72
Đất trồng lúa	7.415,07	457,94	2.372,32	1.792,27	107,33	2.685,21
Đất trồng cây hàng năm khác	10.009,88	1.187,35	3.500,33	1.793,02	130,54	3.397,51
Đất trồng cây lâu năm	10.851,79	3.769,93	2.672,54	2.781,88	32,73	1.594,71
Đất lâm nghiệp	167.060,77	1.957,27	158.266,85	1.990,41	0	4.846,25
Đất rừng sản xuất	55.559,04	1.957,27	46.765,12	1.990,41	0	4.846,25
Đất rừng phòng hộ	18.504,21	0	18.504,21	0	0	0
Đất rừng đặc dụng	92.997,52	0	92.997,52	0	0	0
Đất nuôi trồng thủy sản	1.338,71	22,02	63,49	280,16	28,07	944,95
Đất nông nghiệp khác	89,09	1,19	25,75	6,01	298,67	56,14

Nguồn: [6]

3.2 Tình hình tích tụ, tập trung đất nông nghiệp ở các tiểu vùng

Tình hình thực hiện dồn điền đổi thửa

Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất, cấp giấy công nhận quyền sử dụng đất ra đời. Dựa vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc thực hiện dồn điền đổi thửa cho phép tích tụ tập trung đất đai và kết quả thực hiện thành công công tác dồn điền đổi thửa của các địa phương đi trước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình đã ban hành Chi thị số 19/CT-TU ngày 30/6/2003 về tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện dồn điền đổi thửa. UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Kế hoạch số 854/KH-UB ngày 14/7/2003 về việc tổ chức thực hiện dồn điền đổi thửa. Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Hướng dẫn số 136/TNMT ngày 27/9/2003 về kế hoạch thực hiện dồn điền đổi thửa. Ban Thường vụ huyện Bố Trạch ra Nghị quyết số 05/NQ-HU ngày 12/7/2003 và UBND huyện Bố Trạch có Đề án dồn điền đổi thửa số 216/ĐA-UB ngày 15/7/2003 và Quyết định thành lập Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa ngày 05/8/2003.

Kết quả dồn điền đổi thửa chung toàn huyện Bố Trạch như sau: 24/30 xã và thị trấn trực thuộc huyện Bố Trạch có đất nông nghiệp đưa vào dồn điền đổi thửa. Quán triệt chủ trương của Đảng về công tác dồn điền đổi thửa, từ tháng 7/2003, Ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa huyện Bố Trạch đã triển khai chỉ đạo thực hiện công tác dồn điền đổi thửa đến tất cả các xã và thị trấn. Đến nay, đã có 23/24 xã, thị trấn thực hiện xong công tác dồn điền đổi thửa. Người dân đã được công nhận ruộng mới và yên tâm sản xuất, bước đầu đã có những hiệu quả nhất định. Riêng xã Thanh Trạch do điều kiện chưa quy hoạch lại được hệ thống giao thông và thủy lợi nên không tham gia thực hiện dồn điền đổi thửa [10]. Thực trạng đất sản xuất nông nghiệp của huyện trước và sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả thực hiện dồn điền đổi thửa huyện Bố Trạch

STT	Các chỉ tiêu	Trước ĐDDT (2003)	Sau ĐDDT (2017)	So sánh 2017/2003
1	Tổng số hộ sử dụng đất nông nghiệp (hộ) + Trong đó, tham gia ĐDDT (hộ)	25.870 –	30.323 23.594	– 2.276
2	Tổng số thửa đất trồng cây hàng năm (thửa) + Trong đó, đưa vào ĐDDT (thửa)	358.700 –	195.382 174.596	–163.318
3	Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm (ha) + Trong đó, đưa vào ĐDDT (ha)	12.819,5 –	17.425 13.385	+4.605,5
4	Bình quân thửa/hộ (thửa/hộ)	13,9	7,4	–6,5
5	Số hộ có từ 5 thửa trở xuống (hộ)	2.328	12.340	+10.012
6	Số hộ có trên 5 thửa (hộ)	23.542	18.510	–5.032
7	Bình quân diện tích/thửa (m ² /thửa)	357,4	891,8	+534,4
8	Thửa có diện tích < 500 m ² (thửa)	75.327	30.567	–44.760

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu điều tra

Về số hộ, trước dồn điền đổi thửa, toàn huyện có 25.870 hộ được chia ruộng, trong dồn điền đổi thửa có 23.594 hộ tham gia, đạt 91,2%. Trước dồn điền đổi thửa, số hộ có 5 thửa trở xuống là 2.328 hộ; sau dồn điền đổi thửa là 12.340 hộ, tăng lên 10.012 hộ. Số hộ có trên 5 thửa giảm từ 23.542 hộ xuống còn 18.510 hộ. Về số thửa, tổng số thửa đất trồng cây hàng năm của toàn huyện là 358.700 thửa, bình quân có 13,9 thửa/hộ. Sau dồn điền đổi thửa còn 195.382 thửa (giảm được 163.318 thửa, bằng 45,55% tổng số thửa trước dồn điền đổi thửa), bình quân sau dồn điền đổi thửa có 7,4 thửa/hộ. Về diện tích, toàn huyện đã dồn điền đổi thửa được 13.385ha, đạt 76,8% số diện tích cần đổi. Sau dồn điền đổi thửa, diện tích đất trồng cây hàng năm đã tăng 4.605,5ha. Nguyên nhân tăng là do việc quy hoạch lại hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng, chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác có hiệu quả kinh tế cao hơn và kê khai diện tích trước đây chưa chính xác. Bình quân diện tích trên thửa trước dồn điền đổi thửa là 357,4 m², sau dồn điền đổi thửa là 891,8 m² tăng 534,4 m². Thửa đất có diện tích dưới 500,0 m² giảm 44.760 thửa.

Như vậy, sau khi dồn điền đổi thửa các chỉ tiêu về bình quân số thửa trên hộ giảm, bình quân diện tích trên thửa và diện tích đưa vào sản xuất nông nghiệp đều có xu hướng tăng lên rất lớn so với trước khi dồn điền đổi thửa. Điều đó chứng tỏ công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Bố Trạch đã làm giảm tình trạng manh mún ruộng đất. Sau dồn điền đổi thửa, các hộ gia đình có những vùng ruộng tập trung với diện tích lớn hơn góp phần hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa, thuận tiện cho việc cơ giới hóa, thủy lợi hóa.

Tình hình chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp

Kết quả điều tra về tình hình tích tụ, tập trung đất đai theo hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp còn gọi là mua đất nông nghiệp ở ba tiểu vùng và cho thấy theo thời gian diện tích nhận chuyển nhượng tăng lên thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Diện tích đất nông nghiệp trung bình của mỗi hộ nhận chuyển nhượng ở các địa phương thuộc huyện Bố Trạch qua các năm

TT	Vùng	Diện tích nhận chuyển nhượng trung bình/ hộ qua các năm (m ²)				Hộ nhận chuyển nhượng có diện tích đủ tiêu chuẩn trang trại (Hộ)	
		Trung bình	2013	2014	2015	2013	2015
1	Miền núi	13.200	10.188	10.352	19.061	4	4
2	Trung du	11.850	10.998	14.358	10.193	2	1
3	Đồng bằng	12.795	11.465	20.477	6.442	3	4
Trung bình		12.615	10.884	15.062	11.899		

Nguồn: [6]

Trong năm 2013, bình quân diện tích đất nông nghiệp một hộ chuyển nhượng là 10.884 m²; đến năm 2015 diện tích trung bình của mỗi hộ tăng lên là 11.899 m². Trong các năm trước đây, người ta chỉ bán những ô thửa nhỏ hoặc một phần nhỏ của thửa lớn khi cần, nhưng trong thời gian gần đây người ta đã sẵn sàng bán và mua vào những thửa có diện tích lớn hơn. Diện tích trung bình của mỗi vụ chuyển nhượng ở các xã vùng miền núi, trung du lớn hơn hẳn so với các xã vùng đồng bằng. Ở vùng miền núi, diện tích trung bình của một vụ chuyển nhượng năm 2015 là 19.061 m², vùng đồng bằng chỉ có 6.442 m². Điều này có thể lý giải tại vùng đồng bằng do đất đai manh mún, diện tích ô thửa nhỏ, dân cư tập trung đông đúc dù có bán hết cả thửa thì quy mô diện tích chuyển nhượng mỗi lần cũng chỉ giới hạn trong diện tích ô thửa. Tuy nhiên, trên tình hình chung thì diện tích nhận chuyển nhượng sử dụng đất nông nghiệp tăng, góp phần mở rộng diện tích canh tác, thuận lợi cho việc cơ giới hóa trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp hơn là các ô thửa, diện tích đất nông nghiệp quy mô nhỏ, manh mún. Quá trình tích tụ đất nông nghiệp và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ngày càng mạnh.

3.3 Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trước và sau quá trình tích tụ, tập trung đất đai

Hiệu quả về mặt kinh tế

Hiệu quả kinh tế của các loại hình sử dụng đất sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp có xu hướng cao hơn so với trước (Bảng 4).

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của một số loại hình sử dụng đất chính trước và sau tích tụ, tập trung đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Bồ Trạch

TT	Loại hình sử dụng đất	Loại hình sử dụng đất cụ thể	Trước tích tụ và tập trung			Sau tích tụ và tập trung			GTGT sau so với trước (Lần)
			GTSX	CPTG	GTGT	GTSX	CPTG	GTGT	
			(Triệu đồng/ha/năm)			(Triệu đồng/ha/năm)			
1	Chuyên lúa	Lúa ĐX-HT	18,09	11,43	6,66	25,60	12,49	13,11	1,97
2	Chuyên màu và cây công nghiệp hàng năm	Ngô	6,53	2,57	3,96	11,53	3,59	7,94	2,01
3		Lạc	20,75	12,50	8,25	18,85	4,02	14,83	1,08
4	Cây công nghiệp lâu năm	Cao su	234,56	77,19	157,37	283,77	92,24	191,53	1,22
5	Nuôi trồng thủy sản	Cá hỗn hợp	117,11	27,13	89,98	127,69	33,39	94,00	1,05
6		Cá - vịt	70,00	50,00	20,00	120,00	56,00	64,00	3,20
7		Gà	200,00	145,24	54,76	252,10	164,07	88,03	1,61
8	Chăn nuôi	Vịt	196,00	110,00	86,00	220,00	112,00	108,00	1,26
9		Lợn	670,20	443,6	226,60	539,89	329,14	210,75	0,93
10	Trang trại tổng hợp	Lúa - cá	176,30	36,71	139,59	163,21	76,81	86,40	0,62
11		Lúa - cá - vịt	165,93	118,52	47,41	209,52	128,25	81,27	1,71

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu điều tra

Giá trị sản xuất sau khi tích tụ và tập trung đất nông nghiệp tăng do năng suất các cây trồng chính tăng lên. Phần lớn các diện tích đã chủ động được tưới tiêu, hệ thống kênh tưới tiêu được bê tông hóa đảm bảo chủ động phục vụ sản xuất. Các trạm bơm được đầu tư sửa chữa hoặc xây mới đảm bảo chủ động tưới tiêu cho toàn bộ diện tích canh tác của huyện. Các trang trại được mở rộng diện tích; người nông dân yên tâm đầu tư lớn, có điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa các giống cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất nên năng suất đã tăng đáng kể.

Chi phí sản xuất trên 1 ha gieo trồng giảm so với trước khi tích tụ và tập trung đất đai do số lần phun thuốc bảo vệ thực vật giảm. Lượng giống đầu tư trên 1 ha gieo trồng cũng giảm vì đã sử dụng các giống cây trồng và vật nuôi mới. Lượng phân hữu cơ và vô cơ, lượng thức ăn đầu tư vào 1 ha nuôi trồng giảm do thâm canh các loại cây, con hỗ trợ nhau, giảm lượng thức ăn, phân bón và sâu bệnh. Bên cạnh đó, do diện tích được mở rộng, khả năng cơ giới hóa cao nên giảm được rất nhiều công lao động, vì thế giảm được chi phí sản xuất.

Đặc biệt sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp, người dân đã yên tâm đầu tư, đi vào sản xuất tập trung, mang tính hàng hóa, đẩy mạnh đưa vào nuôi trồng kết hợp các loại cây, con mà trước tích tụ, tập trung đất đai do diện tích quá nhỏ lẻ không thể nuôi trồng được. Trước tích tụ và tập trung với các diện tích nhỏ lẻ, người nông dân chỉ nuôi trồng một loại cây, con mang tính chất tự cấp, tự túc hiệu quả kinh tế không cao như gà, vịt, cá hỗn hợp cho GTGT chỉ đạt 54–89 triệu đồng/ha, nhưng sau tích tụ và tập trung đất do diện tích lớn, người dân yên tâm đầu tư sản xuất, xây dựng chuồng trại, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên đã đưa vào áp dụng các mô hình mang tính sản xuất hàng hóa cho giá trị kinh tế rất cao như mô hình lúa – cá – vịt cho GTGT đạt 81,27 triệu đồng/ha/năm, hay mô hình cá – vịt cho GTGT đạt 64 triệu đồng/ha/năm. Với các loại hình sử dụng đất truyền thống của huyện như lúa, chuyên màu và cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm thì việc tích tụ và tập trung đất nông nghiệp đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn và diện tích đều mở rộng hơn. Đối với diện tích đất chuyên lúa, do chủ động được tưới tiêu và đưa các giống mới vào sản xuất nên GTGT sau tích tụ và tập trung đất cũng tăng gấp 1,97 lần. So với cây màu và cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm đã trở thành thế mạnh của vùng, tạo ra vùng sản xuất hàng hóa phục vụ cho thị trường. Trong đó, có loại hình sử dụng đất đem lại hiệu quả kinh tế cao và tạo nhiều việc làm, giải quyết một phần số lao động dư thừa là cao su cho GTGT đạt 191,53 triệu đồng/ha/năm, loại hình sử dụng đất trồng lạc cho GTGT đạt 14,83 triệu đồng/ha/năm.

Hiệu quả về mặt xã hội

Sau tích tụ và tập trung, đất nông nghiệp được cải tạo lại, thuận lợi cho công tác áp dụng cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật hiện đại vào đồng ruộng góp phần giải phóng sức lao động. Hầu hết các loại hình sử dụng đất sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp đều sử dụng ít lao động hơn so với trước. Bên cạnh đó, việc dồn điền đổi thửa thành các ô thửa lớn đã hình thành các

loại hình sử dụng đất mới. Các trang trại với quy mô lớn tạo ra rất nhiều việc làm, giải quyết tình trạng dư thừa lao động do cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và giải quyết thêm việc làm cho người dân, đồng thời cho GTGT trên ngày công lao động cao hơn nhiều so với trước tích tụ, tập trung đất. Sau quá trình điều tra, kết quả đã tổng hợp được số công lao động cần thiết sử dụng cho các loại hình sử dụng đất chính trong vùng được thể hiện chi tiết trong Bảng 5.

Bảng 5. Hiệu quả sử dụng lao động của các loại hình sử dụng đất chính trước và sau tích tụ, tập trung đất đai trên địa bàn huyện Bố Trạch

TT	Loại hình sử dụng đất	Loại hình sử dụng đất cụ thể	Trước tích tụ và tập trung			Sau tích tụ và tập trung			GTGT/LĐ sau so với trước tích tụ, tập trung (Lần)
			Lao động (công/ha)	GTSX /LĐ (1.000 đồng/công/ha)	GTGT /LĐ	Lao động (công/ha)	GTSX /LĐ (1.000 đồng/công/ha)	GTGT /LĐ	
1	Chuyên lúa	Lúa vụ	203	90	30	183	140	70	2,33
2	Chuyên màu và cây công nghiệp hàng năm	Ngô	97	70	40	111	100	70	1,75
3	Cây công nghiệp lâu năm	Lạc	100	210	80	98	190	150	1,88
6	Nuôi trồng thủy sản	Cao su	148	1.590	1.060	134	2.120	1.430	1,35
7	Chăn nuôi	Cá hỗn hợp	100	1.170	90	111	1.160	860	0,96
8		Cá - vịt	225	310	90	180	670	360	4,00
9		Gà	212	940	260	285	890	310	1,19
10	Trang trại tổng hợp	Vịt	200	980	430	140	1.570	770	1,79
11		Lợn	574	1.170	400	431	1.250	490	1,23
12	Trang trại tổng hợp	Lúa - cá	104	1.700	1.340	140	1.170	620	0,46
13		Lúa - cá -vịt	4	41.480	11.850	132	1.590	620	0,05

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu điều tra

Các loại hình sử dụng đất truyền thống sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp, do chủ động tưới tiêu, cơ giới hóa sản xuất và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên số công lao động đã giảm đi đáng kể. Đối với loại hình sử dụng đất chuyên lúa đã giảm 20 công/ha/năm từ 203 công/ha/năm trước tích tụ và tập trung xuống chỉ còn 183 công/ha/năm. Mô hình nuôi gà, vịt, lợn trước tích tụ và tập trung đất chủ yếu nuôi theo loại hình hộ gia đình tự phát, nhưng sau tích tụ và tập trung đất các hộ đã tự hình thành trang trại nên đã giảm được đáng kể công lao động. Mô hình nuôi lợn sau tích tụ và tập trung đất đai đã giảm 143 công/ha/năm, mô hình nuôi vịt đã giảm được 60 công/ha/năm. Đặc biệt, các trang trại sau khi hình thành đã tạo điều kiện cho rất nhiều lao động làm việc ổn định cũng như các lao động mùa vụ như mô hình Lúa - Cá - Vịt cần sử dụng 132 công/ha/năm, hay mô hình Lúa - Cá cần sử dụng khoảng 140

công/ha/năm. Để giải quyết cho số lao động dôi dư này một phần các lao động đi làm ăn xa hoặc chuyển đổi nghề nghiệp.

Sau chuyển đổi, giá trị của ngày công lao động đã tăng lên rõ rệt ở hầu hết các mô hình sử dụng đất. Đối với loại hình sử dụng đất (LUT) truyền thống như chuyên lúa, chuyên màu, cây công nghiệp hàng năm thì giá trị ngày công tăng lên 1,75–2,33 lần. Đối với các LUT khác như nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi thì giá trị ngày công lao động sau tích tụ và tập trung đã tăng lên trên 1 lần so với trước tích tụ, tập trung. Giá trị ngày công lao động thấp nhất cũng đạt 70 nghìn đồng/công so với 30 nghìn/công trước tích tụ và tập trung đất. Các LUT sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp có giá trị ngày công lao động khá cao, thấp nhất là LUT lúa và chuyên màu đạt khoảng 70 nghìn đồng/công, còn các LUT khác đều đạt trên 100 nghìn đồng/công như loại hình sử dụng trồng cây cao su thu nhập cao nhất đạt trên 1,4 triệu đồng/công, mô hình nuôi cá cho thu nhập 860 nghìn đồng/công.

Quá trình tích tụ và tập trung đất nông nghiệp giúp nâng cao ý thức của người sản xuất, năng lực và trình độ tổ chức sản xuất của người dân tăng lên, hạn chế tình trạng bỏ hoang đất, thúc đẩy phát triển các ngành nông sản theo hướng nâng cao chất lượng, bền vững và hiệu quả. Hiệu quả kinh tế tăng lên giúp thay đổi bộ mặt nông nghiệp nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Công tác tích tụ và tập trung đất nông nghiệp đã đáp ứng được nhu cầu của người dân, khắc phục được tình trạng ruộng đất manh mún, giảm lượng lao động trực tiếp trên đồng ruộng và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc cơ giới hóa sản xuất. Một số lực lượng lao động nông nghiệp nông thôn chuyển dịch sang làm dịch vụ, thủ công mỹ nghệ hoặc đi làm ăn xa. Vấn đề lao động dư thừa cũng đã được giải quyết.

Hiệu quả về mặt môi trường

Sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp, hệ thống giao thông, thủy lợi được xây dựng hoàn chỉnh, kiên cố hơn trước, phương tiện giao thông phục vụ cho việc sản xuất thuận lợi hơn. Việc vận chuyển phân bón, thuốc trừ sâu, lúa và các sản phẩm nông sản sau khi thu hoạch được dễ dàng, qua đó giảm đáng kể việc rơi vãi và vì thế đã hạn chế được sự ô nhiễm môi trường. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của hệ thống trồng trọt và chăn nuôi đến môi trường đang là vấn đề cấp bách, đòi hỏi phải có số liệu phân tích kỹ về các mẫu đất, nguồn nước và nông sản trong một thời gian dài nên chi phí cũng rất cao. Trong phạm vi thời gian và kinh phí có hạn, nghiên cứu chỉ tiến hành thu thập tài liệu, số liệu và đánh giá mức độ bón phân và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật của người dân từ đó đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường của các loại hình sử dụng đất trước và sau tích tụ, tập trung đất nông nghiệp.

Bảng 6. Mức đầu tư phân bón trước và sau khi tích tụ, tập trung đất nông nghiệp

Đơn vị tính: Kg/ha/năm

TT	Cây trồng	Theo số liệu điều tra					
		Trước tích tụ và tập trung			Sau tích tụ và tập trung		
		Đạm	Lân	Kali	Đạm	Lân	Kali
1	Lúa	267,5	42,3	136,8	280,6	56,9	168,3
2	Ngô	310,9	170,1	13,1	360,1	238,9	53,6
3	Lạc	273,7	120	137,9	328,4	157,5	118,1
4	Cao su	148,4	284,6	136,5	147,1	253,6	153,2

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra

Sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp, người dân đã đầu tư nhiều hơn so với trước, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng sát tiêu chuẩn bón phân (Bảng 6) nên đã tạo điều kiện thu được năng suất tối đa. Bên cạnh đó, trong quá trình canh tác người dân đã tận dụng các sản phẩm của chăn nuôi tạo phân hữu cơ bón cho cây trồng nên đã giúp cải tạo đất vừa bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất người nông dân vẫn còn sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật. Đây là nhu cầu không thể thiếu trong giai đoạn sản xuất hàng hóa mặc dù việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường và sức khỏe con người. Các LUT nuôi trồng thủy sản là mô hình mới sau khi tích tụ và tập trung đất nông nghiệp. Người dân chuyển đổi các LUT hiệu quả thấp; họ đã yên tâm đầu tư sản xuất. Các hộ gia đình và trang trại nuôi trồng thủy sản đã quan tâm đến vấn đề sử dụng thức ăn đúng tỷ lệ, tránh dư thừa thức ăn dẫn đến ô nhiễm môi trường nước. Tuy nhiên, với mô hình chuyên nuôi trồng thủy sản thì nguy cơ ô nhiễm nguồn nước là rất lớn khi các trang trại ngày càng mở rộng và sử dụng nhiều loại thức ăn tổng hợp. Chuyên chăn nuôi gà, vịt, lợn sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp quy mô trang trại ngày càng được mở rộng nên nguy cơ ô nhiễm môi trường là rất lớn. Vấn đề dịch bệnh gây nên rủi ro rất lớn cho người chăn nuôi. Hiện nay, sau khi tích tụ và tập trung đất đai, người dân yên tâm đầu tư sản xuất, hình thành các trang trại chăn nuôi lớn nên trên địa bàn huyện. Các hộ chăn nuôi đã áp dụng mô hình xử lý chất thải chăn nuôi rất hiệu quả vừa bảo vệ môi trường lại tiết kiệm chi phí đó là xây dựng các hầm xử lý Biogas. Đây là mô hình rất hiệu quả và đang được nhân rộng. Do chi phí để làm hệ thống Biogas vẫn còn khá cao nên những hộ chăn nuôi nhỏ ít làm, chủ yếu các hộ chăn nuôi lớn áp dụng. Các mô hình chăn nuôi kết hợp trồng trọt ảnh hưởng ít nhất đến môi trường vì các cây trồng, vật nuôi hỗ trợ nhau cùng phát triển, không còn chất thải của chăn nuôi. Tuy nhiên, dịch bệnh vẫn là nỗi lo đối với người dân.

Độ che phủ đất vẫn được duy trì ở mức cao (84,1%) do diện tích đất của vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng nằm trên địa phận của huyện là khu bảo tồn có độ che phủ và tỷ lệ rừng

nguyên sinh lớn nhất Việt Nam (Độ che phủ của rừng 93,57%, trong đó rừng nguyên sinh đạt trên 83,47%). Hệ số sử dụng đất 1,1 lần [8]. Việc sản xuất trên quy mô lớn, mang tính hàng hóa sau khi tích tụ và tập trung ruộng đất đã giúp ứng dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, hạn chế sâu bệnh hại, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật giúp bảo vệ môi trường và hệ sinh thái đồng ruộng.

4 Kết luận

Như vậy, quá trình tích tụ và tập trung đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp đã căn bản giải quyết được hiệu quả và năng suất sản xuất nông nghiệp ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau tích tụ và tập trung đất nông nghiệp đã hình thành nên các loại hình sử dụng đất mới mang lại hiệu quả cao, cũng như các loại hình sử dụng đất truyền thống vẫn duy trì từ trước khi tích tụ, tập trung đất đai cũng đã phát triển mạnh. Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình sản xuất kết hợp nên vấn đề ô nhiễm môi trường cũng đã phần nào giảm bớt, lao động nông nghiệp có thêm việc làm. Các loại hình sử dụng đất điển hình sau tích tụ đất nông nghiệp với quy mô phù hợp với huyện Bố Trạch là loại hình sử dụng đất chuyên lúa, chăn nuôi tổng hợp, nuôi trồng thủy sản đã mang lại hiệu quả cao.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Thế Anh (2004), *Báo cáo về nghiên cứu thực tiễn đôn điền, đổi thửa ở một số tỉnh và đề xuất chính sách đôn điền đổi thửa nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng*, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Khắc Việt Ba, Đỗ Văn Chinh, Phạm Bích Tuấn, Đỗ Văn Nhạ (2016), Thực trạng và hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, *Tạp chí Khoa học đất*, 48.
4. Đỗ Thị Lan, Đỗ Anh Tài (2007), *Giáo trình Kinh tế Tài nguyên đất*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Consuelo G. S., Jesus A. O, Twila G. P., Bella, R. P. and G. U. Gabriel (2007), *An introduction to research methods*, Rex Book Store, Manila, Philippines.
6. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bố Trạch (2018), *Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2017 của huyện Bố Trạch*.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật đất đai năm 2013*, Hà Nội, Ngày 29 tháng 11 năm 2013.
8. Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch (2017), *Báo cáo tóm tắt Tình hình kinh tế – xã hội năm 2017*,

kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2018.

9. Viện nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương (2011), *Báo cáo phân tích yếu tố ảnh hưởng tới phân mảnh ruộng đất và các tác động tại Việt Nam.*
10. Ủy ban nhân dân huyện Bồ Trách (10/01/2007), *Báo cáo số 02/BC-UBND của UBND huyện Bồ Trách về Kết quả thực hiện công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Bồ Trách.*

EFFICIENCY OF AGRICULTURAL LAND USE BEFORE AND AFTER LAND ACCUMULATION AND CONCENTRATION IN BO TRACH DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE

Nguyen The Vinh, Nguyen Huu Ngu, Ho Kiet, Nguyen Bich Ngoc*, Hoang Anh Cam

University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

Abstract: This study evaluates the effectiveness of agricultural land use before and after the accumulation and concentration of land in Bo Trach district, Quang Binh province. The authors utilize the method of survey and interview to collect and process data related to the criteria for evaluating the effectiveness of land use in the process of land accumulation and concentration in the locality. The results show that land specialized in rice, livestock, and aquaculture is a typical model for this locality. The rice-fish-duck model gives rise to the added value of 81.27 million VND/ha/year, or the fish-duck model of 64 million VND/ha/year. The rice model has the added value 1.97 times as high as that before the land accumulation and concentration. The fish farming model provides an income of 860 thousand VND/labor, contributing to the increase of income for local people. Therefore, accumulating and concentrating agricultural land create new land use types with high efficiency.

Keywords: Bo Trach, effectiveness of land use, land use types, agricultural, accumulation, concentration